

ĐỀ ÁN

**Tự chủ của Bệnh viện Đa liệu Nam Định
thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày /8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Phần thứ nhất

CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025.
2. Luật Viên chức ngày 10/12/2025.
3. Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023.
4. Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.
5. Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
6. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.
7. Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm viên chức.
8. Nghị định số 233/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đơn vị sự nghiệp công lập và viên chức.
9. Nghị định 234/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức.
10. Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.
11. Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
12. Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28/7/2026 của Chính phủ quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập.
13. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-

CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

14. Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 của Bộ Y tế hướng dẫn vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

15. Nghị quyết số 08/NQ-TU ngày 30/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình về chiến lược phát triển ngành Y tế tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

16. Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND ngày 29/4/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định nội dung, mức chi trong công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của tỉnh Ninh Bình.

17. Quyết định số 47/2026/QĐ-UBND ngày 17/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định phân cấp, quản lý về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

18. Quyết định số 48/2026/QĐ-UBND ngày 17/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định phân cấp, quản lý về cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức, hội quản chúng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

II. CƠ SỞ THỰC TIỄN

1. Vị trí

Bệnh viện Da liễu Nam Định (sau đây gọi là Bệnh viện) là đơn vị sự nghiệp y tế công lập thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Bình, chịu sự quản lý toàn diện, điều hành trực tiếp của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình; đồng thời chịu sự chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các bệnh viện tuyến trung ương.

2. Chức năng

Bệnh viện có chức năng phòng bệnh, khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng cho người bệnh phong, các bệnh về da, chăm sóc và phẫu thuật thẩm mỹ da và các bệnh nhiễm khuẩn, lây truyền qua đường tình dục (bao gồm cả lĩnh vực HIV/AIDS) trên địa bàn tỉnh theo phân công, chỉ đạo của Sở Y tế.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn

a) Cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh

- Thực hiện khám, điều trị nội trú và ngoại trú cho những người mắc bệnh về chuyên khoa da liễu.

- Tiếp nhận, sơ cứu, cấp cứu theo quy định đối với các trường hợp người bệnh tự đến hoặc do các cơ sở y tế có liên quan chuyển đến.

- Tham gia khám giám định sức khỏe và khám giám định pháp y khi hội đồng giám định y khoa hoặc cơ quan bảo vệ pháp luật trung cầu.

- Chuyển người bệnh lên tuyến trên khi Bệnh viện không đủ khả năng giải quyết.

b) Đào tạo cán bộ

- Bệnh viện là cơ sở thực hành đào tạo cán bộ y tế chuyên khoa da liễu đồng thời tham gia giảng dạy chuyên khoa với các đối tượng khi đáp ứng đủ các yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức đào tạo liên tục các thành viên trong Bệnh viện và tuyến dưới để nâng cao trình độ chuyên khoa da liễu.

c) Nghiên cứu khoa học

- Tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và ứng dụng các tiến bộ khoa học thuộc lĩnh vực chuyên khoa da liễu ở cấp bộ, tỉnh và cấp cơ sở; chú trọng nghiên cứu các đề tài về y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc.

- Tham gia với y tế cơ sở triển khai chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu và các chương trình chuyên khoa da liễu tại cộng đồng.

d) Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn kỹ thuật

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo hoạt động chuyên khoa da liễu ở tuyến dưới và những người hành nghề tư nhân về chuyên khoa da liễu trong khu vực để phát triển và nâng cao kỹ thuật chuyên khoa da liễu trình Giám đốc Sở Y tế và tổ chức triển khai thực hiện sau khi kế hoạch được phê duyệt.

- Kết hợp với y tế cơ sở thực hiện chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu và các chương trình hoạt động chuyên khoa da liễu tại cộng đồng.

đ) Phối hợp với các cơ sở y tế dự phòng thực hiện thường xuyên công tác phòng bệnh, phòng dịch

- Tổ chức tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật về công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

- Triển khai các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe phòng, chống bệnh da liễu.

- Chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan để triển khai hoạt động phòng, chống bệnh da liễu tại cộng đồng theo phân công của Sở Y tế.

e) Tham gia các chương trình hợp tác với các tổ chức hoặc cá nhân ngoài nước theo quy định của Nhà nước.

g) Quản lý nguồn kinh phí, tài sản, trang thiết bị của Bệnh viện theo đúng quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh

h) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác khi được Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Y tế và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao.

4. Cơ cấu tổ chức

- Ban Giám đốc Bệnh viện gồm Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

- Các khoa, phòng chức năng:

+ Các phòng chức năng có 03 phòng:

(1) Phòng Tổ chức - Hành chính;

(2) Phòng Tài chính - Kế toán;

(3) Phòng Kế hoạch - Đào tạo - Chỉ đạo tuyến.

+ Các khoa chuyên môn có 04 khoa:

(1) Khoa Khám bệnh;

(2) Khoa Điều trị tổng hợp;

(3) Khoa Cận lâm sàng;

(4) Khoa Dược - Trang thiết bị y tế - Kiểm soát nhiễm khuẩn.

5. Thực trạng về nhân lực làm việc tại Bệnh viện

a) *Số lượng nhân lực làm việc*

- Số lượng người làm việc theo Đề án vị trí việc làm năm 2026: 59 người.

- Số lượng người làm việc hiện có mặt: 40 người.

b) *Cơ cấu nhân lực tại Bệnh viện*

- Cơ cấu nhân lực theo trình độ chuyên môn:

Trình độ chuyên môn	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Chuyên khoa II	1	2,50
Chuyên khoa I, thạc sĩ	8	20,00
Đại học	26	65,00
Cao đẳng	3	7,50

Trung cấp	1	2,50
Khác	1	2,50
Tổng cộng:	40	100

- Cơ cấu nhân lực theo độ tuổi:

Độ tuổi	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Từ 30 tuổi trở xuống	9	22,5
Từ 31- 40 tuổi	17	42,5
Từ 41 - 50 tuổi	6	15,0
Từ 51 tuổi trở lên	8	20,0
Tổng cộng:	40	100

- Cơ cấu nhân lực theo chức danh nghề nghiệp:

Chức danh nghề nghiệp	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Bác sĩ (hạng II, III)	11	27,5
Điều dưỡng (hạng III, IV)	13	32,5
Kỹ thuật y (hạng III)	2	5,0
Dược sĩ (hạng III)	4	10,0
Khác	10	25,0
Tổng cộng:	40	100

6. Kết quả thực hiện chỉ tiêu, kế hoạch và nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025

TT	Nội dung báo cáo	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		Năm 2025
						(01/01-30/9)	(1/10-31/12)	
1	Tổng số giường bệnh giao	Giường	70	70	70	70	50	50
2	Tổng số giường bệnh thực kê	Giường	20	20	20	30	50	50

TT	Nội dung báo cáo	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		Năm 2025
						(01/01-30/9)	(1/10-31/12)	
3	Tổng số lần khám bệnh	Lần	14.076	15.376	17.091	15.236		23.001
4	Tổng số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Người	16	41	82	732		1.120
5	Ngày điều trị nội trú trung bình	Ngày	7,3	7,5	8,5	9,6	7,1	6,3
6	Công suất sử dụng giường giao	%	0,45	1,2	2,7	23,1	40	33,9
7	Công suất sử dụng giường bệnh thực kê	%	1,6	4,2	9,6	53,8	40	33,9
8	Tổng số lần chụp XQ	Lần	0	0	0	0	0	0
9	Tổng số lần siêu âm	Lần	0	0	0	0	0	0
10	Tổng số tiêu bản xét nghiệm	Tiêu bản	34.694	47.392	50.624	66.797		94.987

7. Thực hiện các chỉ tiêu về tài chính giai đoạn 2021-2025

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
A	Kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên	2.965,27	2.614	3.705	2.000	4.100
I	Giao tự chủ	2.745,27	2.500	2.300	1.660	2.098
1	Dự toán giao	2.745,27	2.500	2.300	1.660	2.098
2	Số kinh phí đã thực hiện	2.745,27	2.500	2.300	1.660	2.098
3	Số kinh phí tiết kiệm được	-	-	-	-	-
II	Không giao tự chủ	220	114	1.405	340	2.002
1	Mua sắm	-	-	1.000	-	1.287
2	Sửa chữa	-	-	65	-	-
3	Đặc thù	220	100,00	340	340	380

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
4	Chi các nhiệm vụ tính giao và chi khác	-	14	-	-	335
B	Thu, chi hoạt động dịch vụ	2.596	3.618	3.917	6.374	7.944
I	Số thu	2.596	3.618	3.917	6.374	8.426
1	Thu từ dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước	2.557	3.583	3.836	6.240	8.276
	<i>Nêu rõ hoạt động: khám bệnh, chữa bệnh; thu học phí; giám định y khoa, pháp y, kiểm nghiệm,....</i>	2.557	3.583	3.836	6.240	8.277
-	Thu dịch vụ y tế theo yêu cầu					
-	Thu chênh lệch từ hoạt động cho thuê nhà thuốc, hoạt động coi xe	39	35	81	134	148
-	Thu khác (lãi tiền gửi)	0,00	0,00	0,43	0,35	1
II	Số chi	2.000	2.068	3.251	5.753	7.780
1	Chi tiền lương ngạch bậc, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương; tiền lương theo lao động hợp đồng (nếu có)	343	823	1.536	3.499	5.476
2	Chi mua sắm phục vụ chuyên môn	924	711	929	828	1.580
3	Chi quản lý, chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên	522	410	557	1.053	606
4	Chi khác	211	124	229	373	118
III	Chênh lệch thu chi	596	1.550	666	621	646
	Trong đó: Trích lập nguồn cải cách tiền lương (nếu có)	211	544	237	224	232

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

- Bệnh viện đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao, không ngừng nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, thu hút người bệnh trong và ngoài tỉnh.
- Thực hiện quản lý tài chính đúng nguyên tắc, đúng chế độ, sử dụng và chi hoạt động nguồn kinh phí ngân sách nhà nước theo quy định.
- Đội ngũ viên chức, người lao động có trình độ, kinh nghiệm về chuyên môn, có tinh thần luôn trau dồi, học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Thực hiện tốt các nhiệm vụ khác được giao.

2. Khó khăn, hạn chế

- Giá dịch vụ khám chữa bệnh theo quy định của cấp có thẩm quyền chưa kết cấu đủ các yếu tố chi phí, chưa kết cấu chi phí khấu hao, duy tu, bảo dưỡng trang thiết bị, chi phí quản lý, chi thuê công nghệ thông tin... vì vậy, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo khung giá chưa tính đúng, tính đủ chi phí nên ảnh hưởng rất lớn đến nguồn thu của đơn vị, khó khăn trong việc đảm bảo chế độ cho người lao động và thanh toán chi phí; do đó ảnh hưởng tới nguồn thu làm khả năng tự chủ tài chính của đơn vị chưa được ổn định.
- Chi phí đầu tư cho thiết bị chuyên sâu và công nghệ cao khá lớn, trong khi nguồn thu chưa đủ bù đắp. Hạn chế trong phát triển dịch vụ kỹ thuật cao: Một số kỹ thuật mới, hiện đại trong điều trị da liễu - thẩm mỹ chưa được triển khai đồng bộ do thiếu trang thiết bị hoặc nhân lực có chuyên môn sâu. Chưa tận dụng hết tiềm năng dịch vụ ngoài bảo hiểm như điều trị da công nghệ cao, chăm sóc da chuyên sâu, laser thẩm mỹ.
- Việc thanh quyết toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế còn chậm nên kinh phí đảm bảo hoạt động gặp khó khăn, tồn đọng công nợ, nhất là đối với các nhà thầu cung cấp thuốc, hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng cường quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính. Xây dựng Bệnh viện trở thành bệnh viện chuyên khoa hiện đại, hoàn chỉnh; phát triển kỹ thuật chuyên sâu; hoạt động theo

cơ chế tự chủ bền vững bảo đảm cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh có chất lượng, an toàn, hiệu quả, nâng cao năng lực chuyên môn, quản trị và tài chính; tối ưu hiệu quả vận hành, nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân dân trong tỉnh và khu vực; cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự hợp lý theo đúng quy định hiện hành, tạo động lực cho đội ngũ viên chức, người lao động phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, yên tâm công tác từ đó triển khai các hoạt động chuyên môn hiệu quả, góp phần đẩy nhanh quá trình đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Về quy mô và tổ chức

- Quy mô giường bệnh đạt khoảng 100-150 giường bệnh phù hợp với nhu cầu thực tế và khả năng khai thác.
- Thành lập và vận hành Khu khám, điều trị chất lượng cao; phát triển Khoa Laser chăm sóc da.
- Cơ cấu tổ chức bảo đảm tinh gọn, hiệu quả đúng quy định, có 08 khoa, phòng.

b) Về năng lực cung ứng dịch vụ và giảm chuyển tuyến

- Tốc độ tăng trưởng số lượt khám bệnh và điều trị nội trú bình quân 8-12%/năm phù hợp năng lực tiếp nhận.
- Tỷ lệ chuyển tuyến giảm còn < 3% (trừ các ca vượt khả năng chuyên môn theo quy định).

c) Về phát triển chuyên môn kỹ thuật

- Phát triển các kỹ thuật chẩn đoán hiện đại: Dermoscopy kỹ thuật số, sinh thiết da chuyên sâu, giải phẫu bệnh da, miễn dịch huỳnh quang, PCR chẩn đoán bệnh da nhiễm trùng, AI hỗ trợ phát hiện ung thư da...
- Nâng cao hiệu quả điều trị các bệnh da mạn tính: Vẩy nến, viêm da cơ địa, Lupus ban đỏ, Pemphigus...
- Ứng dụng các công nghệ mới trong điều trị: Thuốc sinh học (Biologics), liệu pháp miễn dịch đích, quang trị liệu UVB/PUVA...
- Triển khai da liễu thẩm mỹ công nghệ cao. Trẻ hóa da, điều trị sẹo, điều trị nám chuyên sâu, điều trị tăng sắc tố da, căng chỉ, Mesotherapy, PRP, RF vi điểm, HIFU...

- Phát triển Laser và ánh sáng chuyên sâu: Điều trị sắc tố, xóa xăm, triệt lông, điều trị mạch máu, tái tạo bề mặt da...

- Đẩy mạnh học tập, triển khai phẫu thuật da: Tiều phẫu da, ghép da, phẫu thuật ung thư da, Mohs surgery (nếu đủ điều kiện), tạo hình sau cắt bỏ tổn thương.

d) Về chất lượng và an toàn người bệnh

Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và bảo đảm an toàn người bệnh theo hướng: Người bệnh là trung tâm; chuyên nghiệp, hiệu quả, an toàn; giảm sự cố y khoa; tăng mức độ hài lòng; ứng dụng công nghệ số trong quản lý chất lượng; đáp ứng Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện của Bộ Y tế.

đ) Về chuyển đổi số

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát an toàn người bệnh theo thời gian thực.

- Hoàn thiện bệnh án điện tử theo lộ trình của Bộ Y tế, bảo đảm:

- + 100% bệnh án điện tử được chuẩn hóa dữ liệu, có cấu trúc, khai thác được phục vụ quản lý và chuyên môn;

- + $\geq 95\%$ dữ liệu được liên thông, tích hợp giữa các hệ thống (khám bệnh, cận lâm sàng, dược, tài chính);

- + 100% khoa/phòng sử dụng dashboard điều hành theo thời gian thực;

- + Triển khai hệ thống cảnh báo an toàn người bệnh trên nền tảng số;

- + $\geq 80\%$ người bệnh sử dụng dịch vụ số;

- + 100% dữ liệu được bảo mật, sao lưu và quản lý theo quy định.

- Chuyển đổi số bảo đảm nguyên tắc dữ liệu “đúng - đủ - sạch - sống”, phục vụ trực tiếp công tác quản trị và nâng cao hiệu quả hoạt động của Bệnh viện.

- Bảo đảm thông tin, an ninh mạng theo quy định của pháp luật.

e) Về tài chính

- Thực hiện tự chủ tài chính theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 2.

- Tăng trưởng nguồn thu sự nghiệp bình quân 8 - 12%/năm.

- Bảo đảm cân đối thu - chi, thường xuyên có tích lũy để đầu tư, phát triển.

- Thực hiện đầy đủ chế độ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định.

- Từng bước nâng thu nhập tăng thêm cho người lao động đạt 0,02 -0,1 lần quỹ lương.

g) Về tổ chức bộ máy, nhân lực

- Xây dựng bộ máy tổ chức Bệnh viện đồng bộ, tinh gọn, hoạt động hiệu quả, đúng vị trí việc làm được phê duyệt. Phấn đấu đến năm 2030, Bệnh viện có 08 khoa, phòng.

- Bảo đảm cơ cấu nhân lực hợp lý. Đến năm 2030, phấn đấu đạt:

TT	Nhóm vị trí việc làm	Tỷ lệ (%)/Số lượng
I	Nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế và liên quan	
1	Bác sĩ (%)	22%/31
2	Điều dưỡng, kỹ thuật y (%)	52%/74
3	Dược, trang thiết bị y tế (%)	7%/10
4	Nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên môn liên quan khác (công tác xã hội, kỹ sư, tâm lý và chuyên môn khác) (%)	1%/1
II	Nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung (%)	11%/15
III	Nhóm hỗ trợ, phục vụ (gồm cả hợp đồng lao động) (%)	7%/10
IV	Tổng nhân lực (người)	141

- Tăng tỷ lệ bác sĩ có trình độ sau đại học, phát triển đội ngũ chuyên gia đầu ngành.

- Đẩy mạnh đào tạo liên tục, đào tạo chuyên sâu và hợp tác quốc tế.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA BỆNH VIỆN

1. Dự kiến điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ

Bệnh viện đề xuất giữ nguyên chức năng, nhiệm vụ đã được giao theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày ngày 14/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Da liễu Nam Định thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Bình. Phấn đấu năm 2028 thăng hạng từ bệnh viện hạng III lên bệnh viện hạng II tuyến tỉnh.

2. Định hướng phát triển về chuyên môn

- Đến năm 2030, Bệnh viện phấn đấu đạt bệnh viện chuyên khoa hoàn chỉnh,

cấp chuyên sâu, có năng lực cạnh tranh vùng, giữ vai trò hạt nhân chuyên môn của hệ thống y tế tỉnh Ninh Bình; vừa là cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao cho người dân trong và ngoài tỉnh, vừa là trung tâm đào tạo, chỉ đạo tuyến, nghiên cứu khoa học, chuyển giao kỹ thuật và hạt nhân chuyển đổi số y tế.

- Bệnh viện định hướng phát triển với quy mô 150 giường bệnh, hình thành thêm 01 khoa khoa chuyên sâu.

- Lộ trình thực hiện như sau:

+ Năm 2026: Giữ nguyên quy mô 50 giường bệnh;

+ Năm 2027: Đạt quy mô 70 giường bệnh;

+ Năm 2028: Thành lập Khoa Laser chăm sóc da, đạt quy mô 70 giường bệnh;

+ Năm 2029: Đạt quy mô 100 giường bệnh;

+ Năm 2030: Đạt quy mô 150 giường bệnh.

Với định hướng trên, Bệnh viện sẽ tập trung phát triển các chuyên ngành mũi nhọn như da liễu, thẩm mỹ; đồng thời phát triển đồng bộ các chuyên khoa khác, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân dân.

Dự kiến các chỉ tiêu chuyên môn giai đoạn 2026-2030

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Tổng số giường bệnh giao	Giường	50	70	70	100	150
2	Tổng số giường bệnh thực kê	Giường	50	70	70	100	150
3	Tổng số lần khám bệnh	Lần	24.281	25.693	26.693	28.562	31.843
4	Tổng số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Người	2.281	3.193	3.193	4.562	6.843
5	Ngày điều trị nội trú trung bình	Ngày	8	8	8	8	8
6	Tổng số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	22.000	22.500	23.500	24.000	25.000
7	Công suất sử dụng giường giao	%	100	100	100	100	100
8	Công suất sử dụng giường bệnh thực kê	%	100	100	100	100	100

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
9	Số kỹ thuật mới triển khai trong năm	Kỹ thuật	3	3	3	3	5
10	Điểm trung bình các tiêu chí đánh giá theo Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam	Điểm	3,12	3,18	3,23	3,36	3,48
11	Tổng số lần chụp XQ	Lần	0	0	0	0	0
12	Tổng số lần siêu âm	Lần	0	0	0	0	0
13	Tổng số tiêu bản xét nghiệm	Tiêu bản	80.000	80.000	82.000	82.000	83.000

3. Định hướng phát triển về tổ chức bộ máy, nhân sự

Để đáp ứng nhu cầu người dân và định hướng phát triển trở thành bệnh viện đầu ngành chuyên khoa của tỉnh theo hướng chuyên sâu, hiện đại và hội nhập với các trung tâm y khoa lớn trong nước. Bệnh viện Da liễu Nam Định dự kiến phát triển theo từng giai đoạn cụ thể như sau:

a) Giai đoạn 1 từ năm 2026 đến năm 2028

Bệnh viện có tổng số 07 khoa, phòng:

- (1) Phòng Tổ chức - Hành chính;
- (2) Phòng Tài chính - Kế toán;
- (3) Phòng Kế hoạch - Đào tạo - Chỉ đạo tuyến;
- (4) Khoa Khám bệnh;
- (5) Khoa Điều trị tổng hợp;
- (6) Khoa Cận lâm sàng;
- (7) Khoa Dược - Trang thiết bị y tế - Kiểm soát nhiễm khuẩn.

b) Giai đoạn 2 từ năm 2029 đến năm 2030

Bệnh viện có tổng số 08 khoa, phòng: Giữ nguyên 07 khoa, phòng như giai đoạn 1 và dự kiến thành lập thêm Khoa Laser và chăm sóc da.

(Tùy vào tình hình thực tế, thời gian thành lập mới, sáp nhập, tổ chức lại các khoa, phòng sẽ thực hiện chậm hoặc sớm hơn so thời gian dự kiến).

4. Định hướng phát triển về công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học

a) Đào tạo

- Đào tạo sau đại học: Tiến sĩ/Bác sĩ chuyên khoa II 04 người, Thạc sĩ/Bác sĩ chuyên khoa I 08 người.

- Tùy thuộc vào nhu cầu thực tế của Bệnh viện; ưu tiên đào tạo các lĩnh vực chuyên môn mũi nhọn, đáp ứng định hướng tăng nguồn thu và nâng cao chất lượng dịch vụ. Kết hợp đào tạo tập trung và đào tạo trực tuyến nhằm tiết kiệm chi phí trong điều kiện tự chủ tài chính.

- Đào tạo liên tục, cập nhật kiến thức y khoa (CME): Chủ động rà soát thời gian, điều kiện hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của mình, cập nhật kiến thức theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.

- Đảm bảo viên chức thuộc diện quy hoạch, bổ nhiệm được cử tham gia đào tạo theo tiêu chuẩn quy định. 100% cán bộ quản lý có trình độ lý luận chính trị phù hợp với chức vụ đảm nhiệm.

- Chuẩn hóa điều kiện về ngạch, bậc và nâng cao năng lực tham mưu, quản trị nội bộ. Mục tiêu 100% viên chức giữ ngạch chuyên viên và tương đương được bồi dưỡng theo quy định.

- Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng chuyên môn, hoàn thành bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho viên chức hạng giai đoạn 2026-2030.

b) Nghiên cứu khoa học

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sinh hoạt khoa học với từng chủ đề phân bổ, từng mảng chuyên ngành của Bệnh viện.

- Tăng cường các buổi hội chẩn, bình bệnh án, ca bệnh đặc biệt, bình đơn thuốc nhằm nâng cao năng lực cán bộ bác sỹ, điều dưỡng của Bệnh viện.

- Tăng cường triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, khuyến khích cán bộ, nhân viên tích cực đề xuất sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; đồng thời nâng cao tỷ lệ đề tài được nghiệm thu và ứng dụng hiệu quả vào thực tiễn chuyên môn.

- Đẩy mạnh hoạt động phối hợp nghiên cứu khoa học với các cơ sở đào tạo và nghiên cứu uy tín như Trường Đại học Y Hà Nội, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Trường Đại học Y Dược Thái Bình, Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, và Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Ninh Bình; qua đó nâng cao chất lượng nghiên cứu, trao đổi học thuật và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào hoạt động khám chữa bệnh.

5. Về quản lý tài chính

- Tổ chức thu đúng, thu đủ các khoản: thu viện phí, thu bảo hiểm y tế, thu dịch vụ theo yêu cầu và các nguồn thu hợp pháp khác.
- Kiểm soát chặt chẽ chi thường xuyên: tiền lương, phụ cấp, thuốc, vật tư y tế, hóa chất, điện nước, sửa chữa, dịch vụ thuê ngoài... Thực hiện chi tiêu theo đúng dự toán, quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định hiện hành.
- Hạch toán đầy đủ tài sản, công cụ dụng cụ; thực hiện kiểm kê định kỳ; quản lý mua sắm, sửa chữa, đầu tư trang thiết bị đúng quy trình, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả; Theo dõi, quyết toán các nguồn vốn đầu tư theo quy định.

Phần thứ ba PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG

1. Bệnh viện hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (tự chủ nhóm 2).
2. Giám đốc Bệnh viện chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật đối với việc điều hành và kết quả triển khai quyền tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị; tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao và cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm chất lượng, kịp thời và đúng quy định của pháp luật.

II. PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ CỤ THỂ

1. Về thực hiện nhiệm vụ

Đơn vị thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc xác định nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- Thực hiện nhiệm vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, năng lực chuyên môn và điều kiện thực tế của đơn vị.
- Tổ chức hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các hoạt động dịch vụ khác phù hợp với lĩnh vực chuyên môn, khả năng của đơn vị và theo quy định của pháp luật.
- Hằng năm, xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn và kế hoạch hoạt động dịch vụ của đơn vị; báo cáo Sở Y tế để theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

- Thực hiện liên doanh, liên kết, hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, khả năng chuyên môn và điều kiện thực hiện của đơn vị.

- Quyết định mua sắm tài sản, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay, vốn huy động hợp pháp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và phân cấp của cấp có thẩm quyền.

- Tham gia đấu thầu, cung ứng dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động chuyên môn của đơn vị theo quy định của pháp luật.

- Sử dụng tài sản công để liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

- Trên cơ sở danh mục kỹ thuật do Bộ Y tế ban hành và nhu cầu thực tế, đơn vị xây dựng hồ sơ đề nghị phê duyệt danh mục kỹ thuật theo phân cấp quản lý chuyên môn của ngành y tế.

- Rà soát, cập nhật, bổ sung các quy trình chuyên môn, hướng dẫn chẩn đoán và điều trị; tổ chức thẩm định, phê duyệt theo thẩm quyền và triển khai áp dụng thống nhất trong toàn đơn vị theo quy định của Bộ Y tế.

- Tổ chức triển khai bệnh án điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và số hóa dữ liệu phục vụ công tác quản lý, khám bệnh, chữa bệnh theo lộ trình và quy định của Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định pháp luật có liên quan.

- Các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Tổng số giường bệnh giao	Giường	50	70	70	100	150
2	Tổng số giường bệnh thực kê	Giường	50	70	70	100	150
3	Tổng số lần khám bệnh	Lần	25.000	26.000	27.000	28.000	30.000
4	Tổng số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Người	2.100	3.000	3.200	4.600	7.000
5	Ngày điều trị nội trú trung bình	Ngày	7,3	7,5	7,5	7,5	7,5

6	Công suất sử dụng giường giao	%	≥ 85	≥ 85	≥ 85	≥ 85	≥ 85
7	Công suất sử dụng giường bệnh thực kê	%	≥ 85	≥ 85	≥ 85	≥ 85	≥ 85
8	Tổng số tiêu bản xét nghiệm	Tiêu bản	100.000	120.000	130.000	150.000	200.000

2. Về tổ chức bộ máy

a) Ban Giám đốc Bệnh viện

- Ban Giám đốc gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc (số lượng Phó Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật).

- Giám đốc Bệnh viện là người đứng đầu Bệnh viện, đại diện cho Bệnh viện trước pháp luật, chịu trách nhiệm quản lý và điều hành các hoạt động của Bệnh viện, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động và kết quả công tác của Bệnh viện.

- Phó Giám đốc Bệnh viện là người giúp Giám đốc Bệnh viện phụ trách, theo dõi, chỉ đạo một số lĩnh vực công tác và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Bệnh viện, trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Bệnh viện vắng mặt một Phó Giám đốc Bệnh viện được Giám đốc Bệnh viện ủy quyền điều hành mọi hoạt động của Bệnh viện.

- Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách đối với Giám đốc Bệnh viện và Phó Giám đốc Bệnh viện theo quy định hiện hành và phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh.

b) Các khoa, phòng chức năng

- Các phòng chức năng gồm 03 phòng:

- (1) Phòng Tổ chức - Hành chính;
- (2) Phòng Tài chính - Kế toán;
- (3) Phòng Kế hoạch - Đào tạo - Chỉ đạo tuyến.

- Các khoa gồm 05 khoa:

- (1) Khoa Khám bệnh;
- (2) Khoa Điều trị tổng hợp;
- (3) Khoa Cận lâm sàng;
- (4) Khoa Dược - Trang thiết bị y tế - Kiểm soát nhiễm khuẩn;

(5) Khoa Laser và chăm sóc da.

- Giám đốc Bệnh viện ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của các khoa, phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc.

- Giám đốc Bệnh viện quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các khoa, phòng, trung tâm và tổ chức tương đương không thuộc cơ cấu tổ chức các đơn vị cấu thành của Bệnh viện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định khi đáp ứng các tiêu chí, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

3. Về nhân sự

a) Số lượng người làm việc giai đoạn 2026-2030

- Căn cứ quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, Bệnh viện:

+ Quyết định danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của đơn vị theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ tự chủ tài chính, định mức chuyên môn ngành y tế và khả năng cân đối nguồn lực của đơn vị;

+ Hằng năm, đơn vị tổ chức đánh giá, bổ sung, điều chỉnh Đề án Vị trí việc làm để phù hợp với kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của đơn vị;

+ Thống kê, tổng hợp vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của bệnh viện, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp.

- Bệnh viện dự kiến số lượng người làm việc giai đoạn 2026-2030 như sau:

+ Năm 2026: 59 người;

+ Năm 2027: 74 người;

+ Năm 2028: 86 người;

+ Năm 2029: 102 người;

+ Năm 2030: 141 người.

- Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ và khả năng đảm bảo nguồn thu hằng năm, Bệnh viện điều chỉnh nhân lực cho phù hợp với tình hình thực tế.

b) Tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức

Bệnh viện quyết định thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Về tài chính

Bệnh viện thực hiện theo Quyết định số 806/QĐ-SYT ngày 27/01/2026 của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030 cho Bệnh viện Đa liễu Nam Định.

Phần thứ tư TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

1. Bệnh viện Đa liễu Nam Định

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện Đề án tự chủ đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.
- Thực hiện quy định công khai, trách nhiệm giải trình hoạt động của đơn vị theo quy định của pháp luật.
- Báo cáo Sở Y tế, Sở Nội vụ kết quả triển khai thực hiện Đề án tự chủ; đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm việc triển khai thực hiện Đề án tự chủ giai đoạn 2026-2030 sau khi kết thúc.

2. Sở Y tế

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát để Bệnh viện thực hiện việc tuyển dụng viên chức theo đúng Đề án vị trí việc làm đã xây dựng và thực hiện Đề án tự chủ theo đúng quy định của pháp luật.
- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đánh giá hiệu quả hoạt động của đơn vị sau khi kết thúc Đề án tự chủ giai đoạn 2026-2030.

3. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Y tế, các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện tự chủ về tổ chức bộ máy và nhân sự của Bệnh viện theo đúng quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan, đơn vị có liên quan

Phối hợp với Sở Y tế tạo điều kiện để Bệnh viện tổ chức thực hiện tốt Đề án.

II. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG ĐỀ ÁN

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án, nếu có các vấn đề khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh, Bệnh viện báo cáo bằng văn bản về Sở Y tế để xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định điều chỉnh, bổ sung Đề án cho phù hợp./.